TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK MIL** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **02**/2021/DS-ST
Ngày: 18-01-2021
"V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hạnh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phan Sỹ Phác, bà Nguyễn Thúy Luân.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Xuyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà: Bà Lê Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:152/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2020/QĐXX-DSST ngày 14/12/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng N; Địa chỉ: Số 02 LH, phường TC, quận B, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T – Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Văn T – Giám đốc Ngân hàng N, chi nhánh M.

Người được ủy quyền lại: Ông Trần Quang B, sinh năm 1975 – Phó giám đốc Chi nhánh M; Địa chỉ: Số 16 LD, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Nông. (Có mặt)

- *Bị đơn:* ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị Hoài T, sinh năm 1975; Địa chỉ: thôn TL, xã G, huyện M, tỉnh Đắk Nông (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn Ngân hàng N (viết tắt là Agribank) và lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ngày 25/01/2018 Ngân hàng N có ký kết hợp đồng tín dụng số 5301-LAV -201800253 với ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Hoài T cho vay số tiền 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng), thời hạn cho vay 24 tháng, lãi suất 11%/năm, bên vay trả lãi định kỳ 06 tháng/01 lần. Thời hạn thanh toán là ngày

23/01/2020, định kỳ trả gốc là hai kỳ: Kỳ 01 ngày 23/01/2019 trả 50.000.000 đồng, kỳ 02 ngày 23/01/2020 trả 750.000.000 đồng. Khi vay có cam kết bảo đảm cho Ngân hàng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 478307 được Sở tài nguyên môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 16/01/2018 đối với thửa đất số 20 tờ bản đồ số 70 diện tích 43.401,6 m^2 đứng tên bà Nguyễn Thị Hoài T để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Thực hiện hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân cho ông Nguyễn Ngọc T và Nguyễn Thị Hoài T toàn bộ số tiền 800.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết, ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Hoài T mới trả được cho Ngân hàng số tiền lãi là 43.638.356 đồng (Bốn mươi ba triệu sáu trăm ba mươi tám nghì ba trăm năm mươi sáu đồng) ngày 02/8/2018 và từ đó đến nay chưa trả cho Ngân hàng thêm bất kì khoản nợ gốc và lãi nào.

Nay Nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Hoài T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 18/01/2021 là 1.081.877.128 đồng (Một tỷ không trăm tám mươi mốt triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn một trăm hai mươi tám đồng), trong đó tiền nợ gốc là 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng), lãi trong hạn 218.673.973 đồng (Hai trăm mười tám triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn chín trăm bảy mươi ba đồng), lãi quá hạn 46.267.808 đồng (Bốn mươi sáu triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm lẻ tám đồng), lãi chậm trả 16.935.347 đồng (Mười sáu triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi bảy đồng) và tiếp tục phải chịu lãi suất phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ theo Hợp đồng tín dụng đã được ký kết giữa hai bên.

Trường hợp ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Hoài T không thanh toán được nợ thì yêu cầu Tòa án xử lý tài sản mà ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Hoài T đã thế chấp là thửa đất số 20 tờ bản đồ số 70 diện tích 43.401,6 m^2 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 478307 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 16/01/2018 đứng tên bà Nguyễn Thị Hoài T theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 245014884/HĐTC ngày 24/01/2018 để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

- Theo lời trình bày của bị đơn bà Nguyễn Thị Hoài T trong quá trình giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị Hoài T thừa nhận bà và ông Nguyễn Ngọc T có vay của Ngân hàng N số tiền 800.000.000 đồng, khi vay có thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất số CL 478307 được Sở tài nguyên môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 16/1/2018 đối với thửa đất số 20 tờ bản đồ số 70 diện tích 43.401,6 m^2 đứng tên bà Nguyễn Thị Hoài T để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên bà Nguyễn Thị Hoài T trình bày khoản vay này bà Nguyễn Thị Hoài T vay giùm cho bà Nguyễn Thị Mỹ L thông qua sự giới thiệu của bà Hoàng Thị H nhưng bà Nguyễn Thị Hoài T không cung cấp được địa chỉ của bà Nguyễn Thị Mỹ L, không cung cấp được giấy tờ chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của bà và bà Nguyễn Thị Hoài T cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết việc vay mượn giữa bà và bà Nguyễn Thị Mỹ L trong vụ án này.

Đối với ông Nguyễn Ngọc T trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông đã tiến hành tống đạt hợp lệ văn bản của Tòa án cho ông Nguyễn Ngọc T, yêu cầu đương sự phải có mặt tại Tòa án để làm việc, nhưng tất cả những lần triệu tập ông Nguyễn Ngọc T đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Ngọc T lần thứ hai vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm, yêu cầu của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến trước thời điểm HĐXX nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn, bị đơn theo quy định pháp luật; Bị đơn ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Hoài T chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 321, Điều 322, Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật dân sự, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Điều 13 Thông tư số 39/2016 ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Hoài T phải trả cho Ngân hàng N số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử, ngày 18/01/2021 là 1.081.877.128 đồng (Một tỷ không trăm tám mươi mốt triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn một trăm hai mươi tám đồng), trong đó tiền nợ gốc là 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng), lãi trong hạn 218.673.973 đồng (Hai trăm mười tám triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn chín trăm bảy mươi ba đồng), lãi quá hạn 46.267.808 đồng (Bốn mươi sáu triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm lẻ tám đồng), lãi chậm trả 16.935.347 đồng (Mười sáu triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi bảy đồng) và tiếp tục phải chịu lãi suất phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ theo Hợp đồng tín dụng đã được ký kết giữa hai bên. Trường hợp ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Hoài T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

- Về chi phí xem xét thẩm định: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 2.000.000 đồng đã nộp trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án.

- Về án phí: bị đơn ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Hoài T phải nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Đây là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị Hoài T đã được Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil tiến hành thông báo, triệu tập nhiều lần nhưng vẫn không hợp tác làm việc. Việc ông Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị Hoài T không đến Tòa án làm việc; không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên phải chịu hậu quả về việc không đưa ra chứng cứ để chứng minh theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của BLTTDS năm 2015 và Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao, để tiến hành giải quyết, xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị Hoài T là đúng quy định của pháp luật.

Mặt khác, trong quá trình điều tra, thu thập chứng cứ bà Nguyễn Thị Hoài T cho rằng khoản vay 800.000.000 đồng này bà Nguyễn Thị Hoài T vay giùm cho bà Nguyễn Thị Mỹ L thông qua sự giới thiệu của bà Hoàng Thị H nhưng bà Nguyễn Thị Hoài T không cung cấp được địa chỉ của bà Nguyễn Thị Mỹ L, không cung cấp được giấy tờ chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình và bà Nguyễn Thị Hoài T cũng không yêu cầu giải quyết việc vay mượn giữa bà và bà Nguyễn Thị Mỹ L trong vụ án này nên trong quá trình giải quyết Tòa án cũng không thể xác định tư cách tố tụng của bà Nguyễn Thị Mỹ L là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án được, bên cạnh đó trong hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản với Ngân hàng thì mọi giao dịch cũng chỉ liên quan với gia đình ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Hoài T chứ không thể hiện liên quan đến bà Nguyễn Thị Mỹ L do vậy hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Đối với quan hệ vay mượn giữa bà Nguyễn Thị Hoài T và bà Nguyễn Thị Mỹ L thì bà Nguyễn Thị Hoài T có quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Theo hợp đồng tín dụng số 5301-LAV -201800253 ngày 25/01/2018 giữa Ngân hàng N và ông Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị Hoài T thỏa thuận Ngân hàng N cho ông Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị Hoài T vay số tiền 800.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 24 tháng, lãi suất cho vay là 11%/năm. Thực hiện hợp

đồng Nguyên đơn đã giải ngân cho ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Hoài T số tiền theo hợp đồng tín dụng nói trên, ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Hoài T đã trả cho Ngân hàng được 06 tháng tiền lãi với số tiền 43.658.356 đồng vào ngày 02/8/2018 và từ đó đến nay ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Hoài T chưa thanh toán thêm cho Ngân hàng bất cứ số tiền gốc và lãi nào.

Như vậy theo hợp đồng tín dụng ký kết giữa hai bên thì ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Hoài T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Điều 1 về thời hạn vay của Hợp đồng tín dụng được lập giữa hai bên, vì vậy Ngân hàng khởi kiện đối với ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Hoài T để yêu cầu ông bà trả nợ là phù hợp. Xét việc thỏa thuận ký kết hợp đồng tín dụng nội dung hợp đồng phù hợp với khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 13 Thông tư số 39/2016 ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng.

Nguyên đơn yêu cầu buộc ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Hoài T phải có nghĩa vụ trả nợ số tiền gốc còn nợ và lãi suất là có căn cứ nên cần chấp nhận. Do đó cần buộc ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Hoài T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N số tiền tính đến ngày xét xử, ngày 18/01/2021 là 1.081.877.128 đồng (Một tỷ không trăm tám mươi mốt triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn một trăm hai mươi tám đồng), trong đó tiền nợ gốc là 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng), lãi trong hạn 218.673.973 đồng (Hai trăm mười tám triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn chín trăm bảy mươi ba đồng), lãi quá hạn 46.267.808 đồng (Bốn mươi sáu triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm lẻ tám đồng), lãi chậm trả 16.935.347 đồng (Mười sáu triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi bảy đồng) và tiếp tục phải chịu lãi suất phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ theo Hợp đồng tín dụng đã được ký kết giữa hai bên và lãi suất phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ theo Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa hai bên là phù hợp.

Về tài sản thế chấp: Ngày 18/8/2020 TAND huyện Đắk Mil đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ: thửa đất số 20 tờ bản đồ số 70 diện tích 43.401,6 m^2 tọa lạc tại xã Đắk ND'rót, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 478307 do Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 16/01/2018 đứng tên bà Nguyễn Thị Hoài T phù hợp với bản đồ giải thửa; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trên thực tế phù hợp, đúng vị trí.

Xét hợp đồng thế chấp tài sản được các bên ký kết hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc, hợp đồng thế chấp được đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định của pháp luật nên có giá trị để đảm bảo thanh toán cho số tiền nợ của bị đơn theo hợp đồng tín dụng số 5301-LAV -201800253 ngày 25/01/2018. Áp dụng Điều 317, Điều 323 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 4 Hợp đồng thế chấp thì các bên đã phát sinh căn cứ thực hiện nghĩa vụ để xử lý tài sản thế chấp. Do đó trường hợp ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Hoài T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Nguyên đơn có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế

chấp quyền sử dụng đất số 245014884/HĐTC ngày 24/01/2018 đối với quyền sử dụng đất thửa đất số 20 tờ bản đồ số 70 diện tích 43.401,6 m^2 tọa lạc tại xã Đắk ND'rót, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 478307 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 16/01/2018 đứng tên bà Nguyễn Thị Hoài T để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Căn cứ Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự; Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Hoài T phải hoàn trả lại 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) chi phí xác minh, xem xét thẩm định cho Nguyên đơn.

[3] Về án phí: Bị đơn ông Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị Hoài T phải chịu tiền án phí sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn. Trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên toà là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 227, Điều 228 của BLTTDS năm 2015; Áp dụng các Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 321, Điều 322, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của BLDS năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 13 Thông tư số 39/2016 ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng N đối với bị đơn ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Hoài T về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

1. Buộc ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Hoài T phải thanh toán cho Ngân hàng Ngân hàng N, chi nhánh huyện Đắk Mil số nợ 1.081.877.128 đồng *(Một tỷ không trăm tám mươi mốt triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn một trăm hai mươi tám đồng)*, trong đó tiền nợ gốc là 800.000.000 đồng *(Tám trăm triệu đồng)*, lãi trong hạn 218.673.973 đồng *(Hai trăm mười tám triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn chín trăm bảy mươi ba đồng)*, lãi quá hạn 46.267.808 đồng *(Bốn mươi sáu triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm lẻ tám đồng)*, lãi chậm trả 16.935.347 đồng *(Mười sáu triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi bảy đồng)* và tiếp tục phải chịu lãi suất phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ theo Hợp đồng tín dụng đã được ký kết giữa hai bên.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (18/01/2021) ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Hoài T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trong trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng N theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về tài sản thế chấp:

Trong trường hợp ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Hoài T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc không thanh toán xong khoản nợ thì Nguyên đơn có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ là thửa đất số 20 tờ bản đồ số 70 diện tích 43.401,6 m^2 tọa lạc tại xã Đắk ND'rót, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông, số CL 478307 do Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 16/01/2018 đứng tên bà Nguyễn Thị Hoài T để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

3. Về án phí DSST: Buộc ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Hoài T phải chịu 44.456.000 đồng *(Bốn mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn đồng)* tiền án phí DSST. Trả lại cho Nguyên đơn Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Đắk Mil số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.655.000 đồng *(Hai mươi triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0002098 ngày 05/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị Hoài T phải hoàn trả cho Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Đắk Mil số tiền xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng *(Hai triệu đồng)*.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- THADS huyện M;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thế Hạnh